



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Hợp tác Kinh tế (*)	11.400.000.000	40%
Các cổ đông khác	17.100.000.000	60%
Cộng	28.500.000.000	100%

(*) Nay là Công ty TNHH một thành viên - Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Điện thoại : 0383.791.777
Fax : 0383.791.555
Mã số thuế : 2900859599

Ngành nghề kinh doanh:

- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 35).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Lê Đình Danh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Hoàng Trọng Diên	Ủy viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Trung Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Chương	Ủy viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Trọng Diên	Giám đốc	18 tháng 12 năm 2007	

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Văn Chương Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Hoàng Trọng Diên

Ngày 08 tháng 8 năm 2014

987
HI NI
ÔNG
NHIE
TOÁN
A &
AI H
ĐA



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 338/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 08 tháng 8 năm 2014, từ trang 05 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội**



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.314.929.129	39.767.982.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.357.501.363	7.843.834.559
1. Tiền	111		5.357.501.363	7.843.834.559
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.093.333.333	6.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.093.333.333	6.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.279.374.896	14.926.469.624
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	12.972.258.601	10.819.026.644
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.182.722.000	4.165.055.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	166.482.295	153.664.578
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(42.088.000)	(211.276.598)
IV. Hàng tồn kho	140		8.505.709.209	9.473.352.258
1. Hàng tồn kho	141	V.7	8.505.709.209	9.473.352.258
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.079.010.328	1.024.325.559
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	567.966.040	222.843.949
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.219.551.873	642.258.894
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	56.121.309	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	235.371.106	159.222.716



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.225.101.017	30.066.683.302
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.841.281.364	29.418.352.155
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	24.713.247.698	25.431.638.056
<i>Nguyên giá</i>	222		43.843.906.972	42.859.121.972
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.130.659.274)	(17.427.483.916)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	746.056.596	776.272.182
<i>Nguyên giá</i>	228		1.134.381.101	1.134.381.101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(388.324.505)	(358.108.919)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	11.381.977.070	3.210.441.917
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		383.819.653	648.331.147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	383.819.653	648.331.147
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		73.540.030.146	69.834.665.302

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		33.587.455.642	24.601.338.579
I. Nợ ngắn hạn	310		26.362.495.642	23.195.206.079
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	5.102.628.000	6.411.719.875
2. Phải trả người bán	312	V.16	15.385.719.665	12.359.998.773
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	970.158.235	502.253.942
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	391.868.119	130.086.809
5. Phải trả người lao động	315		2.122.251.648	2.848.493.303
6. Chi phí phải trả	316	V.19	449.360.947	617.696.381
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	1.466.555.318	241.310.274
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	473.953.710	83.646.722
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.224.960.000	1.406.132.500
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	7.224.960.000	1.406.132.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.952.574.504	45.233.326.723
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	39.952.574.504	45.233.326.723
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.500.000.000	28.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.745.849.620	5.422.990.218
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.030.670.115	1.542.266.621
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.676.054.769	9.768.069.884
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		73.540.030.146	69.834.665.302

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.24	1.554.208.186	1.554.208.186
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		13.001,90	34.374,28
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

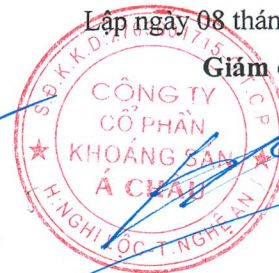
Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2014

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54.354.105.378	58.102.285.274
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.798.860.998	1.535.140.105
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.555.244.380	56.567.145.169
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	27.002.308.718	30.182.674.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.552.935.662	26.384.470.364
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	389.186.192	63.169.261
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	323.943.345	100.279.824
Trong đó: chi phí lãi vay	23		168.309.116	88.563.308
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	19.339.153.589	18.002.497.303
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.407.846.632	2.743.936.468
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.871.178.288	5.600.926.030
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.960.466	3.358.235
12. Chi phí khác	32	VI.8	6.511.000	12.512.015
13. Lợi nhuận khác	40		449.466	(9.153.780)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.871.627.754	5.591.772.250
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	195.572.985	314.201.837
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.676.054.769</u>	<u>5.277.570.413</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.290</u>	<u>1.852</u>

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2014

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.871.627.754	5.591.772.250
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.733.390.944	1.777.999.037
- Các khoản dự phòng	03	(169.188.598)	116.852.421
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	87.527.002	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(308.965.160)	-
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	168.309.116	88.563.308
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.382.701.058	7.575.187.016
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.833.063.552)	(3.567.465.828)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	967.643.049	4.645.529.931
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.794.449.481	3.602.193.852
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(80.610.597)	(72.998.677)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(112.018.783)	(89.091.491)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14 V.16	(188.706.785)	(74.207.450)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(626.500.000)	(375.199.987)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.303.893.871	11.643.947.366
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.156.320.153)	(672.839.227)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.406.666.667	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	308.965.160	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.440.688.326)	(672.839.227)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.325.085.700	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(7.943.362.427)	(4.482.571.129)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(6.731.440.000)	(4.275.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.349.716.727)	(8.757.571.129)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.486.511.182)	2.213.537.010
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	7.843.834.559	2.921.306.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		177.986	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.357.501.363	5.134.843.373

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2014

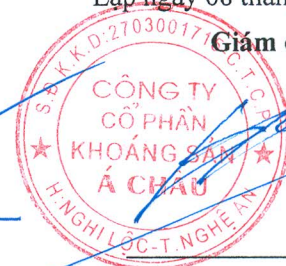
Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
 - Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty có 96 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 97 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 6
Tài sản cố định khác	6

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Là nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2014 : 21.300 VND/USD
31/12/2013 : 21.062,5 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

002-
INH
TY
HỮU H
A TỬ V
C
NỘI
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.706.939.110	158.641.784
Tiền gửi ngân hàng	2.650.562.253	7.685.192.775
Cộng	<u>5.357.501.363</u>	<u>7.843.834.559</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng trong nước	11.341.211.101	8.458.973.518
Phải thu khách hàng nước ngoài	1.631.047.500	2.360.053.126
Cộng	<u>12.972.258.601</u>	<u>10.819.026.644</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho nhà cung cấp trong nước	3.182.722.000	1.698.500.000
Trả trước cho nhà cung cấp nước ngoài	-	2.466.555.000
Cộng	<u>3.182.722.000</u>	<u>4.165.055.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đội khai thác mỏ đá Châu Quang	41.463.981	3.153.981
Phải thu tiền bảo hiểm	61.904.561	62.850.705
Công ty Cổ phần Nhật Việt	9.552.000	-
Phải thu khác	53.561.753	87.659.892
Cộng	<u>166.482.295</u>	<u>153.664.578</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(42.088.000)	(211.276.598)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm		(179.188.598)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(10.000.000)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(32.088.000)	(32.088.000)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>(42.088.000)</u>	<u>(211.276.598)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(211.276.598)	(1.481.415.554)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(116.852.421)
Hoàn nhập dự phòng	169.188.598	-
Số cuối kỳ	<u>(42.088.000)</u>	<u>(1.598.267.975)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.513.842.224	4.748.185.321
Công cụ, dụng cụ	436.799.054	409.535.775
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.561.518.026	1.655.417.095
Thành phẩm	1.849.008.986	2.644.923.700
Hàng hóa	144.540.919	15.290.367
Cộng	<u>8.505.709.209</u>	<u>9.473.352.258</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	7.159.258	2.086.492
Công cụ dụng cụ	30.380.216	89.415.516
Chi phí sửa chữa	133.140.133	21.983.500
Chi phí thuế đất	98.368.250	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	298.918.183	109.358.441
Cộng	<u>567.966.040</u>	<u>222.843.949</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế xuất khẩu đã nộp cho các lô hàng, chưa làm xong thủ tục xuất khẩu tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	195.371.106	159.222.716
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	-
Cộng	<u>235.371.106</u>	<u>159.222.716</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng
Nguyên giá									
Số đầu năm	12.879.514.813	28.116.363.374	1.821.092.305	42.151.480					42.859.121.972
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	984.785.000	-	-	-	-	-	-	-	984.785.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	13.864.299.813	28.116.363.374	1.821.092.305	42.151.480					43.843.906.972
Trong đó:									
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	75.053.796	372.623.742	667.558.250	-	-	-	-	-	1.115.235.788
Giá trị hao mòn									
Số đầu năm	3.856.228.515	12.302.412.033	1.237.229.752	31.613.616					17.427.483.916
Tăng do khấu hao trong kỳ	441.233.382	1.181.824.062	74.848.978	5.268.936					1.703.175.358
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.297.461.897	13.484.236.095	1.312.078.730	36.882.552					19.130.659.274
Giá trị còn lại									
Số đầu năm	9.023.286.298	15.813.951.341	583.862.553	10.537.864					25.431.638.056
Số cuối kỳ	9.566.837.916	14.632.127.279	509.013.575	5.268.928					24.713.247.698
Trong đó:									
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	330.768.864	27.340.055	358.108.919
Tăng do khấu hao trong kỳ	27.564.072	2.651.514	30.215.586
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	358.332.936	29.991.569	388.324.505
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	771.794.055	4.478.127	776.272.182
Số cuối kỳ	744.229.983	1.826.613	746.056.596
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Kho chứa vật liệu	112.045.818	-	-	-	112.045.818
Dây chuyền tráng phủ	150.586.554	9.223.933.971	-	(67.613.818)	9.306.906.707
Đường nội bộ mỏ đá Châu Quang	984.785.000	-	(984.785.000)	-	-
Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng	1.963.024.545	-	-	-	1.963.024.545
Cộng	3.210.441.917	9.223.933.971	(984.785.000)	(67.613.818)	11.381.977.070

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ, dụng cụ	500.329.600	41.075.455	(229.730.242)	311.674.813
Chi phí sửa chữa	109.402.241	-	(60.336.572)	49.065.669
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.599.306	-	(15.520.135)	23.079.171
Cộng	648.331.147	41.075.455	(305.586.949)	383.819.653

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	4.570.128.000	5.358.594.875
Vay dài hạn đến hạn trả	532.500.000	1.053.125.000
Cộng	5.102.628.000	6.411.719.875

⁽ⁱ⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Trung Đô để thanh toán cho các đối tác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	5.358.594.875	1.053.125.000	6.411.719.875
Số tiền vay phát sinh	6.569.790.700	-	6.569.790.700
Số tiền vay đã trả	(7.414.949.427)	(528.413.000)	(7.943.362.427)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán	18.274.552	1.850.500	20.125.052
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	38.417.300	5.937.500	44.354.800
Số cuối kỳ	4.570.128.000	532.500.000	5.102.628.000

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho nhà cung cấp trong nước	15.382.716.365	12.357.028.961
Phải trả cho nhà cung cấp nước ngoài	3.003.300	2.969.813
Cộng	15.385.719.665	12.359.998.773

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước trả tiền trước	2.205.000	2.205.000
Khách hàng nước ngoài trả tiền trước	967.953.235	500.048.942
Cộng	970.158.235	502.253.942

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào thu nhập khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	818.992.120	(818.992.120)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	12.830.004	1.798.860.998	(1.867.812.311)	-	(56.121.309)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.090.595	195.572.985	(188.706.785)	-	115.956.795
Thuế thu nhập cá nhân	1.205.748	310.108.250	(49.562.674)	-	261.751.324
Thuế tài nguyên	-	9.292.500	-	-	9.292.500
Tiền thuê đất	-	196.736.000	(196.736.000)	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.960.462	4.867.500	-	(6.960.462)	4.867.500
Cộng	130.086.809	3.337.430.353	(3.124.809.890)	(6.960.462)	335.746.810

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó: Thuế phải nộp: 391.868.119

Thuế nộp thừa: 56.121.309

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Bột đá bán trong nước	10%
Bột đá xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.871.627.754	5.591.772.250
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	60.225.742	692.264.490
Chi phí không hợp lệ	10.485.000	611.161.945
Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	49.740.742	45.783.929
Khấu hao tài sản trong thời gian tạm dừng sản xuất	-	35.318.616
- Các khoản điều chỉnh giảm	(20.393.786)	-
Lãi Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu, tiền	(20.393.786)	-
Thu nhập chịu thuế	3.911.459.710	6.284.036.740
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	391.145.971	628.403.674
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(195.572.986)	(314.201.837)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	195.572.985	314.201.837

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá học trắng

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	79.748.754	23.458.421
Chi phí vận chuyển phục vụ bán hàng	308.059.092	493.886.363
Chi phí phải trả khác	61.553.101	100.351.597
Cộng	449.360.947	617.696.381

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	4.702.120
Cổ tức phải trả	1.248.560.000	-
Phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	206.577.920	230.107.590
Phải trả khác	11.417.398	6.500.564
Cộng	<u>1.466.555.318</u>	<u>241.310.274</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	83.646.722	(96.200.013)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	976.806.988	578.446.722
Chi quỹ	(586.500.000)	(375.199.987)
Số cuối kỳ	<u>473.953.710</u>	<u>107.046.722</u>

22. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô để đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến bột đá trắng siêu mịn trắng phủ, với lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất ưu đãi của VCB Trung Đô đối với Công ty Cổ phần Khoáng Sản Á Châu và được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	532.500.000	1.053.125.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.224.960.000	1.406.132.500
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	<u>7.757.460.000</u>	<u>2.459.257.500</u>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.406.132.500	-
Số tiền vay phát sinh	5.755.295.000	-
Số tiền vay đã trả	-	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	63.532.500	-
Số cuối kỳ	<u>7.224.960.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	28.500.000.000	2.012.912.342	1.107.344.274	8.698.446.945	40.318.703.561
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	9.768.069.884	9.768.069.884
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	3.410.077.876	434.922.347	(4.423.446.945)	(578.446.722)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(4.275.000.000)	(4.275.000.000)
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	5.422.990.218	1.542.266.621	9.768.069.884	45.233.326.723
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	5.422.990.218	1.542.266.621	9.768.069.884	45.233.326.723
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	3.676.054.769	3.676.054.769
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	322.859.402	488.403.494	(1.788.069.884)	(976.806.988)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
Số dư cuối kỳ	28.500.000.000	5.745.849.620	2.030.670.115	3.676.054.769	39.952.574.504

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
Cộng	28.500.000.000	28.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	6.731.440.000	4.253.700.000
Cộng	6.731.440.000	4.253.700.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Nợ khó đòi đã xử lý

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.554.208.186	-
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối kỳ	1.554.208.186	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	54.354.105.378	58.102.285.274
- Doanh thu bán hàng hóa	2.523.619.059	952.331.004
- Doanh thu bán thành phẩm	51.830.486.319	57.149.954.270
Các khoản giảm trừ doanh thu:	1.798.860.998	1.535.140.105
- Thuế xuất khẩu	1.798.860.998	1.535.140.105
Doanh thu thuần	52.555.244.380	56.567.145.169
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	2.495.851.539	898.794.713
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	50.059.392.841	55.668.350.456

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.692.598.601	596.018.308
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	25.309.710.117	29.586.656.497
Cộng	27.002.308.718	30.182.674.805

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	308.965.160	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.721.949	15.049.934
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	68.499.083	48.119.327
Cộng	389.186.192	63.169.261

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	168.309.116	88.563.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	87.527.002	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.827.046	11.716.516
Chi phí tài chính khác	1.280.181	-
Cộng	323.943.345	100.279.824

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	82.546.000	27.559.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	365.537.065	113.701.779
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	616.435.168	357.476.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.580.754	22.580.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.908.032.473	17.289.955.564
Chi phí bằng tiền khác	344.022.129	191.223.915
Cộng	19.339.153.589	18.002.497.303

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.776.417.746	1.834.843.749
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.364.289	164.973.072
Chi phí đồ dùng văn phòng	33.076.846	18.277.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.711.310	104.835.520
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	12.388.000
Chi phí dự phòng	(169.188.598)	116.852.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.396.323	267.420.263
Chi phí bằng tiền khác	279.068.716	224.346.038
Cộng	2.407.846.632	2.743.936.468

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

Là các khoản công nợ không phải trả.

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	1.602.810
Tiêu hủy hàng tồn kho	-	9.709.205
Chi phí khác	6.511.000	1.200.000
Cộng	6.511.000	12.512.015

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.676.054.769	5.277.570.413
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.676.054.769	5.277.570.413
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.290	1.852

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.850.000	2.850.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.850.000	2.850.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	408.899.220	305.082.672
Phụ cấp	165.593.954	155.631.743
Cộng	574.493.174	460.714.415

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Cổ đông nắm giữ 40% vốn

Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải trả	3.192.000.000	-
Chi trả cổ tức	2.000.000.000	1.710.000.000
Tiền bảo hiểm, tiền thuê đất phải trả	216.419.840	-
Chi trả công nợ khác	239.949.510	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ phải trả Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế là:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	1.192.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	206.577.920	230.107.590
Cộng nợ phải trả	1.398.577.920	230.107.590

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	31.743.631.459	20.811.612.921	52.555.244.380
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.743.631.459	20.811.612.921	52.555.244.380

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.068.929.787	4.144.852.286	6.213.782.073
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.407.846.632)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.805.935.441
Doanh thu hoạt động tài chính			389.186.192
Chi phí tài chính			(323.943.345)
Thu nhập khác			6.960.466
Chi phí khác			(6.511.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(195.572.985)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			3.676.054.769
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	(9.156.320.153)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	2.038.977.893
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	40.161.144.358	16.406.000.811	56.567.145.169
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.161.144.358	16.406.000.811	56.567.145.169
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.577.727.301	4.804.245.760	8.381.973.061
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.743.936.468)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.638.036.593
Doanh thu hoạt động tài chính			63.169.261
Chi phí tài chính			(100.279.824)
Thu nhập khác			3.358.235
Chi phí khác			(12.512.015)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(314.201.837)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.277.570.413
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	(672.839.227)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	2.319.000.441

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>11.299.123.101</u>	<u>1.631.047.500</u>	12.930.170.601
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>27.375.346.229</u>	<u>17.971.644.344</u>	45.346.990.573
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			15.262.868.972
Tổng tài sản			<u>73.540.030.146</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>2.205.000</u>	<u>967.953.235</u>	970.158.235
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>18.011.311.353</u>	<u>11.824.247.960</u>	29.835.559.313
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			2.781.738.094
Tổng nợ phải trả			<u>33.587.455.642</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>8.247.696.920</u>	<u>2.360.053.126</u>	10.607.750.046
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>27.522.521.106</u>	<u>11.369.183.307</u>	38.891.704.413
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			20.335.210.843
Tổng tài sản			<u>69.834.665.302</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>2.205.000</u>	<u>500.048.942</u>	502.253.942
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>16.295.070.137</u>	<u>6.731.274.314</u>	23.026.344.451
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			1.072.740.186
Tổng nợ phải trả			<u>24.601.338.579</u>

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.357.501.363	-	5.357.501.363
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.093.333.333	-	4.093.333.333
Phải thu khách hàng	12.906.418.601	65.840.000	12.972.258.601
Các khoản phải thu khác	112.920.542	-	112.920.542
Cộng	22.470.173.839	65.840.000	22.536.013.839
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.843.834.559	-	7.843.834.559
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Phải thu khách hàng	10.175.891.319	643.135.325	10.819.026.644
Các khoản phải thu khác	90.813.873	-	90.813.873
Cộng	24.610.539.751	643.135.325	25.253.675.076

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

AA9E
CHI
CƠ
ÁCH NH
M TOÁN
A
TẠI
G Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	5.102.628.000	7.224.960.000	-	12.327.588.000
Phải trả người bán	15.385.719.665	-	-	15.385.719.665
Các khoản phải trả khác	1.915.916.265	-	-	1.915.916.265
Cộng	22.404.263.930	7.224.960.000	-	29.629.223.930
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.411.719.875	1.406.132.500	-	7.817.852.375
Phải trả người bán	12.359.998.773	-	-	12.359.998.773
Các khoản phải trả khác	854.304.535	-	-	854.304.535
Cộng	19.626.023.183	1.406.132.500	-	21.032.155.683

Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.001,90	34.374,28
Phải thu khách hàng	76.575,00	112.050,00
Vay và nợ	(578.760,00)	(371.174,00)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(489.183,10)	(224.749,72)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 197.972.401 VND (năm trước giảm/tăng 71.006.748 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.093.333.333	-	6.500.000.000	-
Vay và nợ	(12.327.588.000)	(578.760,00)	(7.817.852.375)	(371.174,00)
Nợ phải trả thuần	(8.234.254.667)	(578.760,00)	(1.317.852.375)	(371.174,00)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 390.675.011 VND (năm trước giảm/tăng 23.721.343 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.357.501.363	-	7.843.834.559	-	5.357.501.363	7.843.834.559
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.093.333.333	-	6.500.000.000	-	4.093.333.333	6.500.000.000
Phải thu khách hàng	12.972.258.601	(42.088.000)	10.819.026.644	(211.276.598)	12.930.170.601	10.607.750.046
Các khoản phải thu khác	112.920.542	-	90.813.873	-	112.920.542	90.813.873
Cộng	22.536.013.839	(42.088.000)	25.253.675.076	(211.276.598)	22.493.925.839	25.042.398.478

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	12.327.588.000	7.817.852.375	12.327.588.000	7.817.852.375
Phải trả người bán	15.385.719.665	12.359.998.773	15.385.719.665	12.359.998.773
Các khoản phải trả khác	1.915.916.265	854.304.535	1.915.916.265	854.304.535
Cộng	29.629.223.930	21.032.155.683	29.629.223.930	21.032.155.683

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ ngắn hạn.

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

